

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2022

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọc.
2. Ông Nguyễn Hữu Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị H, sinh năm 1983.

2. *Bị đơn:* anh Phan Thành T, sinh năm 1982.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Cùng tạm trú: thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị H và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị H và anh Phan Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên hai người

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H, anh T hiện đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Giữa chị H và anh T có hai con chưa thành niên tên là Phan Thị T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2005 và Phan Linh A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Thị T, còn con Phan Linh A hiện tại đang sống với bố nên đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai anh Phan Thành T trình bày: Anh T và chị H xác lập quan hệ vợ chồng và có hai con chung đúng như chị H đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018. Từ sau đó, do anh T làm ăn buôn bán bị thua lỗ nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn dẫn đến việc không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Chị H đề nghị ly hôn nhưng anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy, chăm sóc các con nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Nếu phải ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T thống nhất với nhau là không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T chị H và giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H, anh T thực hiện quyền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị H và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 2 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị H, anh T đã có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018. Từ sau đó, do mâu thuẫn về kinh tế không giải quyết được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, chị H, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị H ly hôn anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Vợ chồng thống nhất có hai con chưa thành niên, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Thị T, còn con Phan Linh A để anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Còn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con nhưng không thỏa thuận được. Xem xét điều của các bên, chị H cung cấp mức lương trung bình ba tháng gần đây nhất là 9.400.000 đồng/tháng. Anh T là người lao động tự do, không cung cấp được thu nhập hằng tháng. Hiện tại, cháu T đang ở với mẹ, còn cháu A đang ở với bố, xem xét nguyện vọng của con thì cháu T muốn ở với mẹ, còn cháu A muốn ở với bố. Để bảo đảm về quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu T sẽ được giao cho mẹ, cháu A sẽ được giao bố trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con: hai bên không yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại các Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T đã thống nhất với nhau là không có.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1 khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Phan Thành T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Thị T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2005; giao cho anh Phan Thành T trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Linh A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 cho đến khi các con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại các Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ chung: Giữa chị H và anh T không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai số: 0003999 ngày 26 tháng 4 năm 2022, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện L;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường